

Bản án số: **16/2022/HS-PT**  
Ngày: 20-01-2022.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Văn Thuấn**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trần Bá Kha**

Ông **Võ Minh Triều**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang** tham gia phiên tòa:  
**Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 147/2021/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Văn T do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS-ST ngày 08/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**- Bị cáo:**

**Phạm Văn T (tên gọi khác Lập)**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp 11B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn G (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); Có vợ và 01 con, sin năm: 1990; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2021 đến nay. (Có mặt)

**- Bị hại kháng cáo:** **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 30/7/2020, Phạm Văn T gọi điện thoại kêu bà Nguyễn Thị N (trước đây bị cáo và bà N chung sống như vợ chồng đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn) đến nhà bị cáo (tại ấp 11B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên

Giang) để trả tiền. Đến khoảng 22 giờ ngày 30/7/2020, bà N điều khiển xe mô tô đến nhà bị cáo, khi bà N đến thì hai bên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi về việc bà N gửi đơn đến Tòa án khởi kiện bị cáo, trong lúc cự cãi bị cáo lấy 01 cây dao yếm quăng trước mặt bà N, yêu cầu bà N chặt đứt tay của mình để sẽ rút đơn khởi kiện, nhưng bà N không làm theo yêu cầu của bị cáo. Lúc này, bị cáo lấy một cây dao dài 69cm, cán dao bằng gỗ dài 29cm dạng hình trụ tròn, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, nơi rộng nhất 7,5cm, có một bề lưỡi sắc bén, mũi dao nhọn, đang vắt trong vách nhà. Lúc này bà N đứng trên giường còn bị cáo đứng dưới đất, bị cáo cầm dao bằng hai tay đứng đối diện với bà N, chém theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải trúng vào cẳng chân phải của bà N. Lúc này, bà N quỵ xuống giường thì bị cáo tiếp tục cầm dao đánh vào đùi bà N 01 cái bằng bề bằng. Sau đó, thấy bà N bị chảy nhiều máu nên bị cáo chở bà N đến Trung tâm Y tế huyện A cấp cứu.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 590/TgT ngày 13/11/2020 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận:

- *Dấu hiệu chính qua giám định:*
  - + *Sẹo phần mềm vùng cẳng chân phải.*
  - + *Gãy (đứt) 1/3 dưới xương chày phải.*
- *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 13% (Mười ba phần trăm).*
- *Vật gây thương tích: Vật sắc; Vật chứng (cây dao) gửi giám định có cạnh lưỡi sắc phù hợp với vật gây thương tích.*
- *Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích do vật sắc tác động trực tiếp vào vùng cẳng chân phải theo hướng từ trái qua phải so với trục giải phẫu của cơ thể.*
- *Thương tích trên phù hợp với thời điểm xảy ra ngày 30/7/2020.*

***Vật chứng thu giữ:***

- + 01 (Một) cây dao dài 69cm, cán dao bằng gỗ dài 29cm dạng hình trụ tròn, chỗ tiếp giáp với lưỡi dao có tra 01 khâu kim loại màu trắng, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, nơi rộng nhất 7,5cm, có một bề lưỡi sắc bén, mũi dao nhọn;
- + 01 (Một) cây dao dài 48 cm, phần lưỡi dài 35 cm, phần cán dao dài 13 cm, nơi rộng nhất của lưỡi dao 08 cm, dao có một bề lưỡi sắc bén, mũi dao nhọn.

\* *Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2021/HS-ST, ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.
2. *Áp dụng:* Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn T 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 11/5/2021.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/10/2021, bị hại Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng nặng hình phạt và tăng tiền bồi thường trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tiền hóa đơn thuốc 21.000.000 đồng, tiền thuốc bắc bó chân 500.000 đồng, tiền thuê xe chở đi bệnh viện 700.000 đồng, tiền ngày lao động 10 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 60.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 60.000.000 đồng. Tổng cộng: 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng). Về trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo lên 04 năm tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng và không có ý kiến gì về phần quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bị hại có thay đổi một phần của nội dung kháng cáo. Về trách nhiệm dân sự tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 18.045.404 đồng về trách nhiệm dân sự tổng cộng là 65.299.504 đồng. Về phần trách nhiệm hình sự người bị hại yêu cầu xử tăng mức hình phạt lên 04 năm tù đối với bị cáo.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 47.254.000 đồng, bao gồm tiền thuê nhà trọ trị bệnh, tiền thuốc, tiền thuê người chăm sóc nuôi bệnh, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù và buộc bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và đúng theo quy định của pháp luật.

- Xét kháng cáo của bị hại. Về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường thêm tiền hóa đơn thuốc 21.000.000 đồng, tiền thuốc bắc bó chân 500.000

đồng, tiền thuê xe chở đi bệnh viện 700.000 đồng, tiền ngày lao động 10 tháng x 6.000.000 đồng/tháng = 60.000.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 60.000.000 đồng. Tổng cộng: 142.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng). Về trách nhiệm hình sự yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo lên 04 năm tù.

Tuy N tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện bồi thương thêm cho bị hại số tiền 18.045.404 đồng về trách nhiệm dân sự tổng cộng là 65.299.504 đồng, người bị hại đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa về phần trách nhiệm dân sự.

Về phần trách nhiệm hình sự người bị hại yêu cầu xử tăng mức hình phạt lên 04 năm tù đối với bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm giảm một phần hình phạt cho bị cáo từ.....

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Xin Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Khoảng 19 giờ ngày 30/7/2020, tại ấp 11B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang, Phạm Văn T đã có hành vi dùng dao chém vào cẳng chân của bà Nguyễn Thị N gây thương tích với tỷ lệ 13%. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị hại:

Chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ trong lúc nói chuyện với nhau bị cáo đã dùng dao chém người bị hại gây thương tích, kết luận giám định pháp y về thương tích của Nguyễn Thị N tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 13%. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đủ khả năng nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới sức khỏe của người

khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị hại có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu tăng nặng trách nhiệm hình sự và yêu cầu tăng tiền bồi thường trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo mức án 02 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 47.254.000 đồng. Bao gồm tiền thuê nhà trọ trị bệnh, tiền thuốc, tiền thuê người chăm sóc nuôi bệnh, tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền mất thu nhập và tiền tổn thất tinh thần là phù hợp đúng theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà N yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí trị bệnh tổng cộng số tiền 21.500.000 đồng, nhưng tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận các khoản theo hóa đơn điều trị bệnh với tổng cộng số tiền là 2.954.596 đồng. Tuy N tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 18.045.404 đồng, như vậy tổng cộng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại về trách nhiệm dân sự là 65.299.504 đồng, người bị hại đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa về phân trách nhiệm dân sự.

Về trách nhiệm hình sự người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng mức án lên 04 năm tù đối với bị cáo là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phân trách nhiệm dân sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị hại được chấp nhận nên bị hại phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về phần trách nhiệm dân sự. Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên về phần trách nhiệm hình sự.

2. *Áp dụng*: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T 02 (hai) năm tù** về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo tạm giam là ngày 11/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại bà Nguyễn Thị N số tiền 65.299.504 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 40/2021/HS-ST ngày 28/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (1)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Văn Thuận**

